TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2021/HS-PT
Ngày: 24-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Nguyễn Tấn Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành An – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 399/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức".

Do có kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo:

Lê Văn Đ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 18/10/1989; tại tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Số CMND: X do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày: 22/01/2019; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam. Con ông Lê Văn Đ (sinh năm: 1945) và bà Đoàn Thị T (sinh năm: 1954) cùng trú tại tỉnh Quảng Nam;

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con út; Vợ: Nguyễn Thị Thu D (sinh năm: 1989) và 02 con là Lê Nguyễn Huyền T (sinh năm: 2015) và Lê Nguyễn Huyền C (sinh năm: 2016), cùng trú tại tỉnh Quảng Nam;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ: Bà **Lưu Thị L**, Luật sư Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, bào chữa theo yêu cầu của Cơ quan tiến hành tố tụng, có mặt.

Bị hại:

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: Luật sư **Lê Quang V** – Văn phòng Luật sư T và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quen hệ quen biết, vào tháng 7/2018 Lê Văn Đ (sinh năm 1989, trú tại: Khối 3, thị trấn N, tỉnh Quảng Nam) gặp bà Nguyễn Thị N (sinh năm: 1964; trú tại tỉnh Quảng Nam) tại quán cà phê C (tỉnh Quảng Nam). Biết Lê Văn Đ làm trong lĩnh vực mua bán bất động sản nên bà N hỏi nhờ Đ làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất đang bị tranh chấp của gia đình bà tại tỉnh Quảng Nam. Nghe vậy, Đ nói với bà N là sẽ hỏi lại người quen xem như thế nào rồi mới trả lời lại. Thực chất lúc này Đ không có quen biết ai làm ở cơ quan Nhà nước liên quan đến quản lý đất đai cũng như bản thân Đ cũng không có khả năng lập các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên do đang bị tranh chấp. Nhưng sau đó, Đ đã nói dối với bà N là có người đã nhận lời làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N nhưng phải cung cấp giấy tờ, hồ sơ liên quan đến thửa đất và chi phí để làm thủ tục là 1.500.000.000 đồng.

Do tin tưởng lời nói của Lê Văn Đ là thật nên bà N đã cung cấp cho Đ các loại giấy tờ liên quan đến việc bồi thường đối với thửa đất trên, giấy chứng minh

nhân dân của bà N và ông Võ Tấn H (sinh năm: 1966, là chồng bà N), sổ hộ khẩu gia đình, thông tin thửa đất (thửa đất số 382, tờ bản đồ số 55, diện tích 635 m2, loại đất trồng cây lâu năm) để Đ phác thảo (tự vẽ) sơ đồ thửa đất và nhiều lần chuyển tiền cho Lê Văn Đ với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng để lo chi phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất. Sau khi nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ vợ chồng bà N, Đ không sử dụng số tiền này vào việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận mà dùng vào việc kinh doanh, tiêu xài cá nhân. Đến khoảng tháng 11/2018, Lê Văn Đ sử dụng tài khoản "Đ Lê" lên mạng facebook thì gặp một người bạn tên T (không rõ họ tên và không nhớ tên tài khoản facebook của T) trú tại thành phố Đà Nẵng. Đ hỏi T có quen biết ai làm giấy tờ giả không và được T cung cấp cho Lê Văn Đ một địa chỉ mạng xã hội Zalo "Nhận Làm Bằng Tất Cả Các Loại" để Đ liên lạc. Đ sử dụng tài khoản Zalo của mình tên "Trân Châu" kết bạn với chủ tài khoản Zalo trên và trao đổi về việc làm giả 04 (bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, với tổng số tiền phải trả là 250.000.000 đồng. Cụ thể các giấy tờ giả Đ yêu cầu làm gồm:

1. 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CP517835 đứng tên Võ Tấn H (sinh năm: 1966, CMND số: 20597646) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm: 1965; CMND số: 205575308) cùng trú tại khối 6, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

2. 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH532136 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

3. 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CH677244 (có cùng nội dung) đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545) và bà Nguyễn Thị Thu D (sinh năm: 1989; CMND số 205502910) cùng trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

4. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023178 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda loại BT50 BKS 92C-133.18 do Lê Văn Đ đứng tên;

5. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023656 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda loại CX5 BKS 92A-114.40 do Lê Văn Đ đứng tên.

Sau khi Đ cung cấp các thông tin liên quan cho chủ tài khoản "Nhận Làm Bằng Tất Cả Các Loại" để phục vụ cho việc làm giả giấy tờ, khoảng vài ngày sau, chủ Zalo làm giấy tờ giả gửi qua Zalo cho Đ hình ảnh của những giấy tờ đã làm giả mà Đ yêu cầu để Đ kiểm tra lại. Xác nhận thông tin trên giấy tờ giả là đúng với yêu cầu, Đ đồng ý làm với giá tiền như đã thỏa thuận trước đó. Ngày hôm sau, chủ tài khoản Zalo làm giấy tờ giả liên lạc qua Zalo yêu cầu Đ mang tiền ra thành phố H Nội nhận các giấy tờ Đ thuê làm giả và trả chi phí làm giả giấy tờ. Theo chỉ dẫn của chủ tài khoản Zalo làm giấy tờ giả, Đ đi H Nội và đến Bến xe Nước Ngầm gặp một người đàn ông khoảng 50 tuổi đeo khẩu trang (không rõ họ tên, địa chỉ) để giao số tiền 250.000.000 đồng. Giao tiền xong, chủ tài khoản Zalo làm giả giấy tờ gọi điện bằng ứng dụng Zalo nói Đ đến tại Văn phòng nhà xe P (thành phố Đà Nẵng) để nhận các giấy tờ giả trên. Sau khi giao dịch hoàn tất, để tránh bị phát

hiện, Đ đã hủy kết bạn với T và chủ Zalo làm giả giấy tờ, đồng thời xóa tất cả các tin nhắn trong điện thoại có liên quan đến việc Đ thuê làm giả giấy tờ.

Sau khi có các giấy tờ giả trên, Đ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên Võ Tấn H và Nguyễn Thị N giao cho bà N, bà N kiểm tra thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình và chồng (ông Võ Tấn H) nên tin là thật. Do đó, bà N tiếp tục nhờ Đ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở và tách thửa cho lô đất nói trên. Ngày 21/3/2019, Đ đến nhà bà N để nhận số tiền 200.000.000 đồng cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (đã đưa cho bà N trước đó) để đi làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng thì bị Tổ công tác Công an thành phố T, tỉnh Quảng Nam bắt quả tang.

Quá trình điều tra còn xác định được, cũng với thủ đoạn tương tự nêu trên, vào ngày 20/02/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ và kinh doanh nên Lê Văn Đ đã đến nhà ông Phan Văn Đ (sinh năm: 1975; trú tại khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là từ 02 đến 06 tháng, lãi suất 03%/01 tháng (tức lãi suất 30.000.000 đồng/01 tháng). Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Lê Văn Đ đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH532136 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) cho ông Đ. Đến ngày 11/3/2019, Lê Văn Đ tiếp tục hỏi vay ông Đ số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 1.500.000 đồng/01 ngày (tức 09%/01 tháng, các mức lãi suất này đều do ông Đ tự nguyện thỏa thuận), Lê Văn Đ tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CH677244 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545) và bà Nguyễn Thị Thu D (sinh năm: 1989; CMND số 205502910) để thế chấp cho ông Đ làm tài sản đảm bảo khoản vay nêu trên.

Do đến hạn trả tiền gốc và lãi nhưng không thấy Lê Văn Đ thanh toán bất kỳ khoản tiền nào nên ông Đ nghi ngờ về khả năng trả nợ vay của Lê Văn Đ. Do đó, vào ngày 01/4/2019 ông Đ đã mang 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Lê Văn Đ đã thế chấp đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, tỉnh Quảng Nam để kiểm tra thì biết được cả 02 (hai) giấy chứng nhận này đều là giả, bởi cả 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH532136 và CH677244 (bản gốc) đều đã được Lê Văn Đ thế chấp vay tại Ngân hàng V Chi nhánh Quảng Nam - Phòng Giao dịch C. Như vậy, tổng số tiền mà Lê Văn Đ đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Phan Văn Đ là 1.500.000.000 đồng.

* Ngoài ra, trong khoảng tháng 02 năm 2018, Lê Văn Đ có thuê của ông Trần Vĩnh K (sinh năm: 1983; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) một xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Innova, Biển kiểm soát 92A-012.47 để làm phương tiện đi lại. Trong thời gian thuê xe, Đ thường xuyên sử dụng chiếc xe này làm phương tiện để đi đến chùa T (địa chỉ: tỉnh Quảng Nam) gặp và làm quen với ông Lê Văn B (sinh năm: 1981, là Trụ trì chùa T) để làm từ thiện. Trong thời gian quen biết, ông B có mượn xe ô tô này của Đ để đi lại nên Đ đã nói dối với ông B rằng chiếc xe này Đ mua lại của người quen với giá 380.000.000 đồng. Sau đó, ông B ngỏ ý muốn mua lại xe thì Đ đồng ý bán cho ông B với giá 300.000.000 đồng (nhưng không được sự đồng ý của ông K là chủ sở hữu của chiếc xe). Khi

ông B thấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nói trên do Nguyễn Thị Hồng H (sinh năm: 1972; trú tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam) đứng tên và giấy chứng nhận đăng kiểm đứng tên Trần Vĩnh K nên có thắc mắc thì Đ nói dối là xe ô tô mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên, do chủ xe là bà Nguyễn Thị Hồng H đang định cư bên Mỹ, nên chờ ngày bà H về nước sẽ làm thủ tục sang tên. Tin lời nói nói của Đ là sự thật nên ông B đã trả tiền mua chiếc xe ô tô cho Đ nhiều lần bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 0651000798767 của Đ mở tại ngân hàng V và những số tài khoản khác theo yêu cầu của Đ. Ngoài số tiền 300.000.000 đồng mua xe như đã thỏa thuận, ông B còn cho Đ mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng để Đ mua xe ô tô Mazda BT50 Biển kiểm soát 92C-133.18.

+ Tiếp tục vào ngày 26/02/2019, Lê Văn Đ đem chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 Biển kiểm soát 92A-114.40 của Đ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023656 ngày 06/6/2018 đứng tên Lê Văn Đ (chiếc xe ô tô này Đ mua bằng số tiền vay của Ngân hàng V Chi nhánh N nên bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-114.40 đang bị ngân hàng giữ) đến hiệu cầm đồ K (địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) do ông Trần Quốc V (sinh năm: 1993; trú tại thôn Trà Tây, xã Tam Mỹ Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam) làm chủ để cầm cố với số tiền 800.000.000 đồng (theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 2843, thời hạn cầm cố đến hết ngày 26/3/2019). Trong thời gian cầm cố chiếc xe ô tô trên, Đ có trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng để giảm bớt số tiền cầm cố xe ô tô trên. Sau khi Đ bị bắt tạm giam, ông V mới biết xe ô tô trên đã được ông Đ vay thế chấp tại Ngân hàng V để mua và bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-114.40 đang được ngân hàng giữ. Vì vậy, ông V đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam tố giác Lê Văn Đ và giao nộp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-114.40 do Đ đưa khi cầm cố xe ô tô.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019 bị cáo Lê Văn Đ đã đưa ra nhiều thông tin và thực hiện các hành vi gian dối như thuê người làm giấy CNQSD đất, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và sử dụng các loại giấy tờ giả này để lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người bị hại: Bà Nguyễn Thị N số tiền là 1.700.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Phan Văn Đ số tiền 1.500.000.000 đồng; sử dụng tài sản đã thế chấp tại ngân hàng để cầm cố vay rồi chiếm đoạt của ông Trần Quốc V số tiền 750.000.000 đồng; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của ông Trần Vĩnh K chiếc xe ô tô trị giá là 340.000.000 đồng. Tổng cộng, bị cáo Lê Văn Đ chiếm đoạt của các bị hại bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn Đ, ông Trần Quốc V và ông Trần Vĩnh K số tiền 4.290.000.000 đồng (trong đó lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn Đ, ông Trần Quốc V số tiền là 3.950.000.000 đồng và thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt của ông Trần Vĩnh K số tiền 340.000.000 đồng).

* Ngày 25/3/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 56 ngày 25/3/2019 đối với hình dấu có nội dung Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và chữ ký đề tên Trần Thanh H đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP517835 đứng tên Võ Tấn H (sinh năm: 1966, CMND số: 20597646) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm: 1965; CMND số: 205575308) cùng trú tại khối 6, phường A, thành phố T, tỉnh

Quảng Nam và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH677244 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) do Cơ quan điều tra Công an thành phố T thu giữ;

Tại Bản kết luận giám định số 46/PC09 ngày 29/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

+ Hình dấu có nội dung "SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là giả.

+ Chữ ký đứng tên Trần Thanh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Trần Thanh H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

* Ngày 04/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 59 đối với:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CH677244 (có cùng nội dung) đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545) và bà Nguyễn Thị Thu D (sinh năm: 1989; CMND số 205502910) cùng trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH532136 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam).

- Tại Bản kết luận giám định số 91/PC09 ngày 25/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

+ Phôi trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với phôi trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng những bản in tương ứng in ra.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Mau dưới mục "PHÓ CHỦ TỊCH" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Mau trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "ỦY BAN ND HUYỆN N T. QUẢNG NAM" dưới mục "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN N" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 không phải do con dấu có hình dấu cùng nội dung tương ứng lần lượt dưới các mục: "PHÓ CHỦ TỊCH", "TRƯỞNG BAN" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 và M5 đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Trần Thanh H dưới mục "PHÓ GIÁM ĐỐC" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký đứng tên Trần Thanh H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: "SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM" dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 không phải do con dấu có hình dấu cùng nội dung tương ứng dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 và M9 đóng ra.

*Ngày 02/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam ra Quyết định trưng cầu giám định số 66 giám định đối với: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số

023178 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda loại BT50 BKS 92C-133.18 do Lê Văn Đ đứng tên và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023656 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda loại CX5 BKS 92A-114.40 do Lê Văn Đ đứng tên.

- Tại Bản kết luận giám định số 59/PC09 ngày 17/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

+ Phôi trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với phôi trên các tài liệu mẫu so sánh hiệu M1, M2 và M3 không phải được in từ cùng các phương pháp in.

+ Hình dấu có nội dung "CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 không phải do con dấu có hình dấu tròn mang nội dung "CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và M3 đóng ra.

* Trên cơ sở các kết luận giám định trên, đủ căn cứ để xác định các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH677244 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545) và bà Nguyễn Thị Thu D (sinh năm: 1989; CMND số 205502910) cùng trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH532136 đứng tên Lê Văn Đ (sinh năm: 1989; CMND số 205394545; trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP517835 đứng tên Võ Tấn H (sinh năm: 1966, CMND số: 20597646) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm: 1965; CMND số: 205575308) cùng trú tại khối 6, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đều là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023178 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50 BKS 92C-133.18 do Lê Văn Đ đứng tên;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023656 cấp cho xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 BKS 92A-114.40 do Lê Văn Đ đứng tên.

Tất các tài liệu, giấy tờ trên đều là giấy tờ giả mà bị cáo Lê Văn Đ đã thuê người làm giả và sử dụng các giấy tờ này để thực hiện hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của các bị hại.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 2769/CV-HĐ ngày 18/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova đã qua sử dụng, BKS 92A-012.47, 07 chỗ ngồi, dung tích xylanh 1.998m3, số khung RL4XW43G1999259832, sản xuất năm 2009, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2019 có giá trị tại thời điểm tháng 5 năm 2018 là 340.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tài sản hiện có của bị cáo Lê Văn Đ:

- 01 (một) ngôi nhà có địa chỉ tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH677244 ngày 30/8/2017 do ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu D đứng tên.

Ngày 10/4/2019, ông Đ và bà D đã ký hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng V Chi nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch Chu Lai do ông Trịnh Phú Tín làm người đại diện được quyền xử lý tài sản thế chấp bằng việc bán và chuyển nhượng ngôi nhà trên cho ông Lê Văn B (sinh năm 1979) và vợ là bà Lê Thị Bích H (sinh năm 1984), cùng trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam với số tiền 2.150.000.000 đồng để thu hồi các khoản nợ vay mà vợ chồng ông Đ đã vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 677244 và mua hai xe ô tô trước đó. Sau khi trừ các khoản nợ, hiện tại trong tài khoản số 0651000798767 của Lê Văn Đ mở tại Ngân hàng V còn dư số tiền 17.798.873 đồng; đồng thời Ngân hàng hiện đang tạm giữ bản gốc của hai giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 92C-133.18 và 92A-114.40 (do chủ sở hữu Lê Văn Đ không ủy quyền cho người khác nhận lại);

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50 Biển kiểm soát 92C-133.18 và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 Biển kiểm soát 92A-114.40 đứng tên Lê Văn Đ;

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda loại Lead biển số 92N1-427.19 do Lê Văn Đ đứng tên và hiện tại bà Nguyễn Thị Thu D (vợ ông Đ) đang quản lý, sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn Đ, ông Trần Quốc V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ trả lại toàn bộ tài sản đã bị Lê Văn Đ chiếm đoạt.

* Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh Quảng Nam đã tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, Biển kiểm soát 92C-133.18, số khung: 4DD7JW719452, số máy: P4AT2420070 (kèm theo chìa khóa xe);

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, Biển kiểm soát 92A-114.40, số khung: 5726JC089042, số máy: P4AT2420070 (kèm theo chìa khóa xe);

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023178 ngày 17/5/2018 của xe ô tô Biển kiểm soát 92C-133.18, số khung: 4DD7JW719452, số máy: P4AT2420070 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023656 ngày 06/6/2018 của xe ô tô Biển kiểm soát 92A-114.40, số khung 5726JC089042, số máy: PE21088597 cùng đứng tên chủ xe là Lê Văn Đ (theo kết luận giám định thì cả hai giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nói trên là giả);

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC6091725 ngày 17/5/2018 của xe ô tô biển kiểm soát 92C-133.18;

- 01 (một) giấy phép lái xe số 480186000997 ngày 29/01/2018 mang tên Lê Văn Đ;

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 205394545 mang tên Lê Văn Đ cấp ngày 22/01/2019 tại Công an tỉnh Quảng Nam;

- Số tiền 8.200.000 đồng và 01 (một) ví bên trong có số tiền 8.400.000 đồng và 200 USD được tạm giữ khi bắt quả tang Lê Văn Đ. Đã được nộp vào tài khoản

tạm giữ số 39490904639100000 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tại kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax số Imei: 357270092159019 gắn sim số 0935.497.769;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8, số Imei 1: 352008094399778, số Imei 2: 352009094399776, gắn sim số: 0334.382.272;

- 01 (một) túi ni lông bên ngoài ghi chữ V;

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova Biển kiểm soát 92A-012.47, số khung QL4XW43G199259832, số máy 1TR6790685 (kèm theo chìa khóa); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003234 ngày 12/9/2012 của xe ô tô Biển kiểm soát 92A-012.47 tên chủ xe Nguyễn Thị Hồng H (bản gốc); 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC6030955 ngày 15/5/2018 của chủ xe ô tô Biển kiểm soát 92A-012.47 (bản gốc); 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 003437219 của xe ô tô Biển kiểm soát 92A-012.47 (bản gốc). Tất cả tài sản này đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Vĩnh K theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 20/12/2019 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản","Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 05 (năm) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ các điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 (ba) tội là: 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ bồi thường thiệt hại về tài sản cho những bị hại: bà Nguyễn Thị N số tiền 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng); ông Phan Văn Đ số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng); ông Trần Quốc V số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B (sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam) số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lê Văn Đ không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hằng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 105 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Lưu trữ tại hồ sơ vụ án các vật chứng sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023178 của xe ô tô Biển kiểm soát 92C-133.18 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023656 của xe ô tô Biển kiểm soát 92A-114.40 cùng đứng tên chủ xe là Lê Văn Đ.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) túi ni lông bên ngoài ghi chữ V và 01 ví da màu đà. (Vật chứng trên được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2020).

- Tiếp tục tạm giữ các vật chứng sau để đảm bảo thi hành án:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, Biển kiểm soát 92C-133.18;

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, Biển kiểm soát 92A-114.40;

+ 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC6091725 ngày 17/5/2018 của xe ô tô Biển kiểm soát 92C-133.18;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax số Imei: 357270092159019;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8, số Imei 1: 352008094399778;

(Các vật chứng trên được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2020 - BL 757).

+ Số tiền 8.200.000 đồng và 8.400.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ số 39490904639100000 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tại kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam (BL 579).

+ 200 USD (đô la Mỹ) đang giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận tài sản ngày 13/3/2020 (BL 578).

+ Số tiền 17.799.110 đồng của bị cáo Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu D tại

Tài khoản số 0651000798767 của Lê Văn Đ mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch Chu Lai.

+ 01 (một) Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, Biển kiểm soát 92C-133.18 và 01 (một) Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, Biển kiểm soát 92A-114.40 đứng tên chủ sở hữu Lê Văn Đ (Vật chứng này đang được quản lý tại Ngân hàng V Chi nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch Chu Lai).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Văn Đ và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 205394545 mang tên Lê Văn Đ cấp ngày 22/01/2019 tại Công an tỉnh Quảng Nam. (Vật chứng trên được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2020).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2021 bị cáo Lê Văn Đ nộp đơn xác nhận không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 22/6/2021, người bị hại bà Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo:

Theo Cáo trạng xác định: Ngân hàng sử dụng số tiền bán ngôi nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thu hồi số tiền bị cáo Đ nợ mua 02 xe ô tô là không đúng, bởi tài sản thế chấp để vay tiền mua 02 ô tô chính là giá trị của 02 ô tô. Do đó, không thể lấy số tiền bán nhà, đất để trả cho khoản vay mua xe ô tô. Vì vậy, cần phải thu hồi số tiền 774.900.000đ mà Ngân hàng đã tất toán cho khoản vay mua ô tô để đảm bảo cho các bị hại trong vụ án. Bản án sơ thẩm quyết định giao toàn bộ số tiền 774.900.000đ cho Ngân hàng là không công bằng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bị hại; đề nghị sửa bản án sơ thẩm, thu hồi số tiền 774.900.000đ để phân chia cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị hại bà Nguyễn Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại bà Nguyễn Thị N trình bày:

Việc ủy quyền cho Ngân hàng bán nhà cho ông Lê Văn B là không khách quan vì bị cáo đang bị tạm giam. Khoản vay mua xe ô tô chưa đến hạn trả nợ và tài sản nhà đất không đảm bảo cho khoản vay mua xe ô tô, Ngân hàng cũng là người bị hại trong vụ án nên việc ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng là không đúng pháp luật. Đề nghị thu hồi số tiền 774.900.000đ để trả cho các người bị hại khác trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Theo qui định tại Điều 9 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, việc bị cáo Đ thực hiện ủy quyền cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp khi đang bị tạm giam là không trái pháp luật. Ngân hàng V thu hồi các khoản nợ mà bị cáo Đ vay là phù hợp với các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của người bị hại.

Về phần bồi thường thiệt hại, người bị hại đã nhận khoản tiền 200 triệu đồng khi bắt phạm tội quả tang. Vì vậy, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo Đ chỉ bồi thường cho bà N 1.500.000.000đ, bản án sơ thẩm tuyên bị cáo bồi thường cho bà N 1.700.000.000đ là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị N:

Vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu D ký hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng V được bán và chuyển nhượng ngôi nhà tại khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH677244 ngày 30/8/2017 cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Lê Thị Bích H với số tiền 2.150.000.000 đồng, để Ngân hàng thu hồi các khoản nợ vay có thế chấp nhà đất trên với số tiền còn nợ là 1.320.000.000 đồng và khoản vay thế chấp xe ô tô tải hiệu MAZDA BT 50 DMT, biển kiểm soát 92C-133.18 (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 159/2018/VCB.CL ngày 18/5/2018) và xe ô tô MAZDA cx 5-2.0 2WD ALL NEW, biển kiểm soát 92A- 114.40 (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 139/2018/VCB.CL ngày 06/6//2018) để mua hai xe ô tô với số tiền còn nợ là 774.900.000 đồng.

[2] Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 254/2017/VCB.CL ngày 20/10/2017 giữa vợ chồng bị cáo Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu D với Ngân hàng V (bút lục 381) quy định:

"Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà khách hàng ông Lê Văn Đ hoặc bà Nguyễn Thị Thu D phải trả cho Ngân hàng khi đến thời hạn thanh toán.... theo các Hợp đồng cấp tín dụng", áp dụng đối với *"Tất cả các Hợp đồng cấp tín dụng đã và sẽ ký giữa Khách hàng và Ngân hàng"*

[3] Như vậy, tài sản nhà đất của vợ chồng bị cáo là tài sản bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ, nên việc Ngân hàng V xử lý số tiền bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 774.900.000 đồng để trả cho khoản vay mua 02 xe ô tô là không trái

với thỏa thuận trên. Tòa án cấp sơ thẩm không truy thu số tiền này để trả cho các bị hại là đúng. Sau khi Ngân hàng thu hồi khoản vay thế chấp xe ô tô thì hai xe ô tô được giải chấp và được kê biên để đảm bảo thi hành án cho các bị hại. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị N.

[4] Đối với khoản tiền 200 triệu đồng bị tạm giữ khi bắt phạm tội quả tang, người bị hại bà Nguyễn Thị N đã nhận lại số tiền này (bút lục 468). Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà N 1.700.000.000đ là không đúng. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà N 1.500.000.000đ là có căn cứ.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị N;

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ bồi thường thiệt hại về tài sản cho những bị hại: bà Nguyễn Thị N số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng); ông Phan Văn Đ số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng); ông Trần Quốc V số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B (sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam) số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lê Văn Đ không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hằng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự